

VÕ VĂN HÒE

(Chi hội trưởng Chi hội Đà Nẵng)

SỰ BIẾN ĐỔI THỂ GIỚI QUAN CỦA NGƯỜI CƠ TU – TRƯỜNG HỢP LỄ TÊNG PING CỦA DÒNG HỌ A TING, LÀNG A DUÔNG, THỊ TRẦN P'RAO, HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

Tóm tắt:

Thể giới quan, nhân sinh quan tộc người Cơ Tu quan niệm thể giới có ba tầng: Trời – Đất – Dưới đất, theo đó trong các lễ hội quan trọng của họ từ cộng đồng làng đến mỗi hộ gia đình đều thể hiện quan niệm này trong cuộc sống. Họ luôn giữ thể giới quan, nhân sinh quan do phong tục tập quán hay nói cách khác do luật tục của tộc người Cơ Tu quy định.

Bài viết này đặt vấn đề sự biến đổi thể giới quan, nhân sinh quan của người Cơ Tu thông qua điền dã dân tộc học, văn hóa học khảo sát trường hợp lễ têng pĩn của dòng họ A Ting tại làng A Duông, thị trấn P'rao, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam thể hiện theo lòng bản – bài bản người xưa. Tuy nhiên, một gia đình thuộc họ A Ting đã có sự biến đổi một thành tố trong tín ngưỡng tâm linh khi tổ chức lễ têng pĩn, dẫn đến biến đổi thể giới quan và nhân sinh quan của họ.

Từ khóa:

Làng A Duông, Dòng họ A Ting, lễ têng pĩn, sự biến đổi

1. Cơ sở thực tiễn tác động đến đời sống Cơ Tu

1.1. Địa bàn cư trú

Chủ yếu là vùng núi non hiểm trở dọc theo bờ Đông dãy Trường Sơn miền Trung Việt Nam được người Cơ Tu chia thành hai vùng cư trú:¹ Cơ Tu vùng cao gọi là Cơ Tu dal, Cơ Tu vùng thấp hơn gọi Cơ Tu ép (Cơ Tu phương), mặc dầu về ranh giới không rõ ràng giữa hai vùng cư trú.² Điều này cho thấy có sự khác nhau (không nhiều) việc thực hành phong tục, tập quán trong cộng đồng làng giữa hai vùng cư trú. Tại tỉnh Quảng Nam³, người Cơ Tu cư trú tập trung các huyện Đông Giang, Tây

¹ Theo một số nhà nghiên cứu, cho rằng người Cơ Tu sinh sống trên ba vùng cư trú: người Cơ Tu vùng cao (Cơ Tu đ'riu), Cơ Tu vùng trung (Cơ Tu dal) và người Cơ Tu vùng thấp (Cơ Tu phương/ép).

² Có tài liệu cho rằng chỉ có hai vùng: Cơ Tu vùng dal và Cơ Tu vùng phương/ép mà không có vùng Cơ Tu đ'riu. Những lần điền dã đến xã Lãng, huyện Tây Giang được già làng Bh'riu Pô (thôn A Rảnh), cho biết Cơ Tu chỉ có 2 vùng chủ yếu như đã nêu. Theo Bh'riu Pô cho rằng tộc người Đhơ riu không thuộc Cơ Tu. Họ là một trong số dân tộc thiểu số của nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào, thường hay qua lại tộc người Cơ Tu trao đổi hàng hóa có biết chút ít tiếng Cơ Tu. Người Cơ Tu hầu như không biết tiếng nói của họ.

³ Toàn tỉnh có 2 thành phố (Tam Kỳ, Hội An), 01 thị xã (Điện Bàn) và 15 huyện (Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Thăng Bình, Quế Sơn, Núi Thành và Phú Ninh). Tổng diện tích của tỉnh là 1.057.474 ha, với dân số gần 1.5 triệu người. Theo Tổng điều tra dân số ngày 01.4.2019, có 37 tộc người cùng sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, trong đó đông nhất là người Kinh (91,1%), người Cơ Tu (3,2%), người Xơ đăng (2,7%), người Giẻ triêng (1,3%). 29 tộc người còn lại chiếm 0,9% dân số. Tính đến ngày 01.4.2019, toàn tỉnh có 11 tôn giáo đạt 168.977 người, nhiều nhất là Phật giáo 92.670 người, Công giáo 57.526 người, Tin Lành 11.730 người, Cao Đài có 6.970 người. Còn lại các tôn giáo khác như: Baha'i có 36 người, Phật giáo Hòa Hảo 17 người, Minh sư đạo có 13 người. Bà La Môn có 7 người. Hồi giáo có 5 người. Minh Lý đạo có 2 người và 1 người theo Bửu Sơn Kỳ Hương. Hiện tại (2019), Quảng Nam là một trong những địa phương có số dân theo đạo Công giáo thưa nhất miền Trung Việt Nam với 57.526 tín hữu, chiếm 2% dân số toàn tỉnh và cũng là địa phương có số dân theo đạo Phật đông nhất miền Trung Việt Nam với hơn 92.000 Phật tử.

Giang, Nam Giang Quảng Nam, Đà Nẵng, họ thường chọn địa hình đồi dốc, hiểm trở để lập làng. Nay, đã có sự thay đổi căn bản trong chọn đất lập làng, những điểm thuận lợi được ưu tiên chọn lựa, đường giao thông liên kết giữa các vùng, mở ra nhiều hình thức giao lưu kinh tế văn hóa với các làng lân cận và với miền xuôi được ưu tiên lựa chọn. Theo đó, hiện nay làng của người Cơ Tu tuy có nơi vẫn trong điều kiện khó khăn, do đường sá xa xôi nhưng căn bản đã thuận lợi hơn trước và tại ba thôn: Tà Lang, Giàn Bí (xã Hòa Bắc), thôn Phú Túc (xã Hòa Phú) huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

1.2. Điều kiện tự nhiên

Người Cơ Tu có tập quán cư trú trên vùng núi cao. Tại Quảng Nam, họ sinh sống dọc theo sườn đông dãy Trường Sơn. Thời gian mới định cư tại miền Tây

Đối với người Cơ Tu tại thành phố Đà Nẵng, với lát cắt địa hình theo chiều ngang, cho thấy địa bàn cư trú của người Cơ Tu thuộc các thôn Tà Lang, Giàn Bí (xã Hòa Bắc), thôn Phú Túc (xã Hòa Phú) thì người Cơ Tu ở đây được cho là Cơ Tu vùng thấp (Cơ Tu phương/ép). Đây là nhóm Cơ Tu trong quá trình di trú và định cư, họ đã tiến xuống gần biển. Địa bàn gần biển, theo đó, trong quá trình phát triển, người Cơ Tu tại huyện Hòa Vang đã từng bước thiết lập mối quan hệ nhiều mặt với người Kinh và có phần khác so với người Cơ Tu tại các huyện vùng cao của tỉnh Quảng Nam. Và vì thế nên người Cơ Tu ở tại hai xã cánh tây huyện Hòa Vang sớm tiếp cận với đô thị hiện đại nhiều hơn, với tốc độ phát triển toàn diện nhanh hơn. Bởi địa bàn cư trú của họ thuộc thành phố Đà Nẵng - một thành phố hiện đại đang trong quá trình phát triển toàn diện kinh tế - văn hóa - xã hội, theo đó, các mối quan hệ trong kinh tế xã hội đã có sự thâm nhập lẫn nhau mà phần vượt trội là sự thâm nhập văn hóa người Kinh; đồng thời quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đã tạo nên lực hút tiếp thu mạnh mẽ từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng, trong đó văn hóa đóng vai trò quan trọng tại địa bàn này.

1.3. Môi trường sinh sống

Sinh sống trên vùng rừng núi, nhiều gò đồi và dốc đứng nên nhận được nhiều khó khăn hơn thuận lợi, nhất là trong xây dựng phát triển kinh tế - văn hóa. Địa hình vùng rừng núi thường chia cắt chạy ra đến biển nên việc đi lại, giao thông không mấy thuận lợi cho phát triển kinh tế vùng.

Khí hậu đặc trưng gió mùa mưa nắng quanh năm, nhiệt độ cao, lượng mưa hằng năm đổ xuống rất lớn, đôi khi tạo nên lũ ống, lũ quét, lụt lội, sông suối tràn đầy nước rất khó khăn cho cuộc sống người Cơ Tu dọc theo sườn núi. Sông ngắn và dốc. Mưa nắng quanh năm đổ xuống với liều lượng lớn nên nhiệt độ thường cao và độ ẩm lớn. Vùng núi quanh năm mưa ẩm, thảm thực vật nhiệt đới phân bố đa dạng tạo nên những khu rừng rậm với nhiều loài thực vật tre nứa, gỗ, cây bụi, dây leo chằng chịt. Các loài động vật nhiệt đới đa dạng cư trú trên các các triền núi và núi cao, có thuận lợi cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào.

Tỉnh Quảng Nam địa hình có độ nghiêng từ tây sang đông, theo đó hình thành ba kiểu cảnh quan sinh thái thiên nhiên rõ rệt:

1/ Kiểu núi cao phía tây: chiếm 72% diện tích tự nhiên có nhiều ngọn núi cao trên 2.000 mét như ngọn Lum Heo (2.045m), núi Tion (2.032m), núi Gole Lang (1.855m), núi Ngok Linh (2.598m, cao nhất miền Trung và dãy Trường Sơn);⁴ Trên các sườn núi cao hiểm trở này, nơi trước kia người Cơ Tu thường chọn để lập làng. Vì thế mỗi làng có nơi cách nhau chừng nửa ngày đường núi. Rất hiểm trở.

2/ Kiểu trung du ở giữa: gồm các gò đồi thấp như tô úp của vùng trung du Tiên Phước, Đại Lộc. Xưa kia người Cơ Tu có định cư tại vùng trung du này như tại xã Hòa Liên, thôn Phú Túc, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang hay tại vùng giáp với khu Hội Khách của huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

3/ Kiểu dải đồng bằng ven biển: phía đông là cồn cát chạy dài từ Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn đến xã Tam Quang huyện Núi Thành. Địa hình chia cắt do hệ thống sông ngòi của các con sông Thu Bồn, sông Tam Kỳ và sông Trường Giang. Thời nay những người Cơ Tu có điều kiện, di cư xuống đồng bằng ven biển định cư sinh sống: tại thành phố Đà Nẵng; thành phố Hội An, Tam Kỳ thuộc tỉnh Quảng Nam.

Về khí hậu, tỉnh Quảng Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chủ yếu là hai mùa mưa và nắng khô. Hằng năm chịu ảnh hưởng gió mùa đông-bắc lạnh. Nhiệt độ trung bình 25,6⁰C, mùa đông có nơi nhiệt độ 12⁰C, miền núi mùa đông nhiệt độ thấp hơn. Do vùng nhiệt đới gió mùa nên độ ẩm 84%. Người Cơ Tu chủ yếu sinh sống vùng rừng núi, nên đối mặt với điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, theo đó, khó cho phát triển kinh tế nương rẫy, lượm hái và săn bắt/bán.

Mưa trung bình trong năm từ 2.000 - 2.500 mm, kéo dài từ tháng 10 đến hết tháng 12. Mùa khô bắt đầu từ tháng 2 đến hết tháng 6. Miền núi lượng mưa đổ về nhiều hơn, lưu vực sông Boong/Bung các huyện Đông Giang, Tây Giang và Nam Giang lượng mưa thấp hơn, trong khi đó vùng núi phía tây nam thuộc lưu vực sông Thu Bồn lượng mưa thường cao hơn tại các huyện Nam Trà My, Bắc Trà My, huyện Tiên Phước và Hiệp Đức. Huyện Nam, Bắc Trà My hằng năm nhận lượng mưa lớn nhất tỉnh với trên 4.000mm, theo đó nước dâng cao, lũ các sông dâng lên nhanh chóng. Sống trên vùng rừng núi hai mùa mưa nắng, mùa mưa các con lũ tàn phá nương ngô rẫy lúa, mùa nắng khô sản xuất nông nghiệp đứng trước thách thức lớn về nguồn nước.

2. VỀ TỘC NGƯỜI CƠ TU

Theo cách giải nghĩa của người Cơ Tu, *Tu* có nghĩa là *ngọn/đầu*. *Cơ Tu* là đầu con nước, tức họ cư trú tại vùng núi cao, nơi con nước bắt đầu.⁵ Người Cơ Tu, có

⁴ Mặc dầu sinh sống phía Tây dãy Trường Sơn, điều kiện tự nhiên nhiều khắc nghiệt, nhưng người Cơ Tu xưa nay không liên quan đến dãy núi Ngok Linh trong phát triển kinh tế, và theo người Cơ Tu vùng cao, họ cũng không liên quan gì đến con sông Thu Bồn trong quá trình phát triển của họ. Có chăng là hai bến, bến Hiên, bến Giang, nơi trao đổi sản phẩm miền xuôi miền ngược mà thôi.

⁵ Dãy Ngock Linh được cho là dãy núi cao và hùng vĩ nhất miền Trung Việt Nam.

tên gọi khác là Ca Tu, Gao, Hạ, Phương, Ca tang. Họ sinh sống dọc theo bờ Đông Trường Sơn. Theo già làng Bh'riu Pố (thôn A Róh, xã Lãng, huyện Tây Giang), Ca tang không phải là tên gọi khác của người Cơ Tu.

Tiếng Cơ Tu được cho thuộc nhóm Mon-khmer, ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic). Mặc dầu trong ngôn ngữ của họ, phương ngôn, thổ ngữ có chỗ khác nhau giữa Cơ Tu *vùng dal* và Cơ Tu *vùng phương*, nhưng người Cơ Tu thống nhất về ngôn ngữ và văn hóa - xã hội. Người Cơ Tu sinh sống ở Việt Nam, Lào Đông bắc Thái Lan được các nhà ngôn ngữ chia thành hai nhóm: Cơ Tu đông và Cơ Tu tây. Ở Việt Nam thuộc nhóm Cơ Tu Đông. Nhóm Đông gồm các tộc người: Cơ Tu, Pakô, (tại huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên - Huế và huyện Hương Hóa tỉnh Quảng Trị), người Tà Ôi (tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế và tại nước Lào), người Nghe (ở tỉnh Khăm Muộn, nước Lào, Ir (ở tỉnh Saravan, nước Lào) ⁶

Hồi cố của những người già trong làng mà chúng tôi được nghe qua các đợt điền dã tại địa phương cho biết rằng người Cơ Tu ở thôn Tà Lang, thôn Giàn Bí hiện nay, trước họ sinh sống vùng cao khu vực đèo Mũi Trâu ⁷ giáp với xã Tư, huyện Đông Giang. Hai thôn Tà Lang và Giàn Bí thuộc xã Hòa Bắc hiện nay (xã Năm cũ - tức xã Hòa Nam trước kia thuộc huyện Hòa Vang). Qua các thời kỳ, họ sinh sống tại vùng núi Mũi Trâu (gần đèo Mũi Trâu) thuộc xã Hòa Nam, huyện Hòa Vang. Họ định cư sâu trong rừng, nơi lưng chừng núi hoặc trên đỉnh núi, việc đi lại rất cách trở bởi đồi dốc dựng, đường đi trắc trở, xa khe suối. Đến năm 1991⁸, huyện Hòa Vang vận động họ dân xuống vùng thấp, thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội và hộ gia đình. Từ đó người Cơ Tu xuống định cư tại hai thôn Tà Lang, Giàn Bí. Còn người Cơ Tu tại thôn Phú Túc, xã Hòa Phú (hiện nay), trước họ sinh sống tại xã Sông Côn, huyện Hiên (cũ) nay là huyện Đông Giang. Năm 1971, để thuận lợi cho chủ trương kháng chiến, chính quyền vận động họ xuống sinh sống tại Ngầm Đồi. Tại đây, đến mùa mưa lũ, nước tràn khe suối, gây khó khăn cho định cư phát triển, họ lại được vận động di dời xuống một khúc đường, sống đan xen với người Kinh cũng thuộc thôn Phú Túc như hiện nay.

⁶ Nhóm Cơ Tu Tây gồm ngôn ngữ Bru Vân Kiều (ở tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình và nước Lào), người Sô (ở nước Lào), Kuif (ở nước Lào, vùng đông bắc Thái Lan và nước Cambodia). (Xem: Bh'riu Liéc (2018), P'ra Cơ Tu, NXB Hội Nhà Văn.

⁷ Ông Trần Văn Thời (người Cơ Tu) thôn Tà Lang kể rằng: *cách đây gần ba mươi năm, bà con sinh sống phía tây đèo Mũi Trâu, ở trên đó rẫy nhiều, chọn lựa đất canh tác không khó, lúa gạo cùng với bắp, sẵn ăn cũng đủ. Cuộc sống bình thường, đến năm 1991, có dịch sốt rét, người chết nhiều, nghe tin đã thấy sợ. Từ đó chính quyền về vận động bà con di dời đến nơi ở mới thuận lợi hơn, cho con em đi học, cho chữa bệnh được kịp thời chớ ở xa xôi thể này không có lợi, phát triển cũng không được. Dân nghe có lý, từ đó già làng cùng dân nghe theo, giờ nhà xuống định cư tại thôn Tà Lang, Giàn Bí như bây giờ. Đến đây (Tà Lang) thuận lợi giao thông, học hành cho con em, chữa bệnh có trạm y tế, nhưng khó là đất rẫy không rộng, không dễ chọn như hồi ở Mũi Trâu do đất, rừng đã vào khuôn khổ do Nhà nước quản lý nên nương rẫy sản xuất khó khăn, làm nương rẫy thu hoạch không nhiều nên túng thiếu, phải cần trợ cấp làm nhà, lương thực, ... (Tư liệu điền dã ngày 16/5/2019) tại hai thôn Tà Lang, Giàn Bí xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang).*

⁸ Sau một cơn dịch làm 23 người chết (cho là chết xấu).

Chưa tìm thấy tài liệu khoa học nói về sự hình thành tộc người Cơ Tu từ đâu. Theo góc nhìn dân gian người Cơ Tu kể lại có tính suy nguyên về nguồn gốc tộc người, song như thế vẫn chưa giải thích được sự xuất hiện người Cơ Tu vào giai đoạn nào của lịch sử tộc người. Chuyện Mơ rơ nghi đạc (Đại hồng thủy), huyền tích suy nguyên giải thích về sự xuất hiện của người Cơ Tu nhưng cũng chưa rõ ràng và thỏa đáng:

“Sau một cơn đại hồng thủy (mơ rơ nghi đạc) ập xuống, khắp nơi ngập tràn nước, cây cối ngập úng và chết. Nhưng may thay vẫn còn sót một cô gái đang bám víu trong một lều tạm trên đỉnh núi cao nơi cây buối của cha mẹ cô trồng. Trong một hang đá bên kia núi có một con chó đực và búp lữa hồng còn đó.

“Sau mười hai ngày đêm mưa to, nước ngập tràn cả vùng, cô gái tuy sống sót nhưng rất hoảng sợ cứ nghĩ rồi trước sau mình cũng theo tổ tiên. Cô buồn đến nẫu ruột, nhìn quanh vùng chỉ nước với nước, cô đơn, tĩnh lặng một mình giữa biển nước xanh mênh mông hun hút đến rợn người.

‘Sang ngày thứ mười ba’, mưa bắt đầu tạnh, trời hửng nắng, cô gái nhìn xa xa, không ngờ có một con chó bơi về phía mình. Người và vật trở nên thân thiết. Con chó liếm chân, tay cô gái. Cô gái cũng vuốt ve chó, mừng mừng tủi tủi một cách thân mật như đã từng quen biết từ lâu.

“Con chó ngủi, đánh hơi tìm kiếm, rồi vẫy đuôi như chào cô. Nó chạy xuống nước, bơi về lại hang đá nó trú ngụ. Về đến hang, chân quơ quơ đống than, mũi hít hít đám tro và phát hiện ra trong đoạn cây khô vẫn còn lữa hồng, con chó ngoặm khúc củi bơi về nơi cô gái. Cô gái thấy vậy mừng đến chảy nước mắt và lấy than lữa kia nâng niu chụm thành ngọn lữa đỏ rực, để dùng qua thời gian ngặt nghèo.”¹⁰

Trong một lần điền dã tại thôn A Rớh, xã Lăng, già làng Bh’riu Pồ kể sự xuất hiện tộc người Cơ Tu: *“Vào một ngày nọ, cơn mơ rơ nghi đạc xảy ra, kéo dài gần nửa mùa trăng, làng bản chìm trong sông nước mênh mông, lừng trời như thấp xuống, mưa gió đánh xào xạc những cánh rừng già, có hai vợ chồng nhà kia lạc nhau trên đôi núi. Thời gian mơ nghi đạc xảy ra, cô gái lên nương chưa về kịp, chồng cô cũng đang phát nương rẫy trên núi cao chưa kịp xuống cùng vợ để họ đưa nhau lên đỉnh núi cao hơn trốn tránh dòng nước lũ. Vào lúc ấy trong sông nước mênh mông từ đâu xuất hiện một con chó bơi trong nước, miệng ngậm một thanh củi lữa còn bén, ngún lên những sợi khói bơi về phía lều cô gái. Cô gái dùng thanh củi nhóm lên ngọn lữa sưởi ấm và nướng củ quả còn sót lại trên rừng ăn qua cơn đói khát. Con chó tỏ vẻ thân thiện, quấn quýt bên cô gái.*

Mấy ngày sau, cơn mưa rừng dần tạnh, nước rút về phía hạ nguồn, làng bản trên sườn đôi lưng núi đã xuất hiện trở lại. Hai vợ chồng tìm gặp được nhau nhờ cây buối (pih mơ rơ nghi) làm dấu hiệu còn đứng vững sau cơn mơ nghi đạc. Họ

⁹ Kinh nghiệm của người Cơ Tu kể rằng: khi nào mưa to, gió lớn chỉ kéo dài 12 ngày đêm là hết.

¹⁰ Xem: Bh’riu Liéc (2018), *P’rá Cơ Tu*, NXB Hội Nhà Văn.

như con chó cứu giúp khi mang ngọn lửa đến sưởi ấm và nướng thức ăn nên hai vợ chồng thoát chết và khi trời yên gió lặng, hai người lại lần về quê nhà. Họ sinh được một người con trai. Để đáp đền công lao cứu giúp của chó, hai vợ chồng quyết định đặt họ cho con mình là Zơ râm.

Theo tháng năm, chồng cô gái sau một lần vào rừng săn bắt không về. Đứa con trai của cô cũng lớn dần lên. Cô gái còn trẻ, nếu cứ ở vậy cuộc sống cũng đơn chiếc, thấy cũng buồn. Và cô nghĩ, chắc đâu đó vẫn còn có nam, nữ nào đấy sống sót sau cơn rơm mơ nghi đặc để con mình lấy làm vợ, mình lấy làm chồng.

Buổi sáng một ngày nọ, người mẹ gọi con đến và nói với con về ý định đó của mình và bảo con hãy đi về phía mặt trời mọc, gặp người con gái nào hãy xin được lấy làm vợ. Còn mẹ đi về phía mặt trời lặn, gặp người đàn ông nào xin được lấy làm chồng. Đi hoài, đi mãi, một thời gian, cuối cùng người mẹ gặp được một người đàn ông và cô đã lấy người đó làm chồng. Người con đi về phía mặt trời mọc, anh chàng cũng gặp được một cô gái và xin được lấy làm vợ. Từ đó, họ sinh ra con cháu ngày một nhiều. Con zơ râm được cho là đã ra ơn cứu giúp cho gia đình cô gái, chó dùng miệng ngáp chỉ bảo cách làm nhà cửa, cách khai nương, phát rẫy, săn bắt cá, chim, thú trên rừng, ... sinh sống. Địa bàn cư trú ngày một rộng thêm ra. Theo đó, tên họ của họ cũng ngày một nhiều lên.”¹¹

Tại thôn Giàn Bí, xã Hòa Bắc, huyện tích xuất hiện tộc người Cơ Tu được cụ A Lăng Cầm (Bùi Văn Cầm, 93 tuổi) kể rằng: “Không biết từ đâu, trời đất tạo nên cơn rơm mơ nghi đặc, sông Nam sông Bắc nước dâng cao, lũ quét từ trên núi Kiền Kiền đổ về dữ dội, nhà cửa, gươl làng chìm trong nước. May thay có đôi vợ chồng trẻ, đưa con trai và con chó đực còn sống sót trên đỉnh núi cao nhờ bấu vào cây bưởi.

Trời yên lũ lặng, nước dần rút về phía Cầu Đê, đã nhìn thấy tại Vũng Bọt bãi đã cuội trơ ra ngổn ngang những hòn đá to bằng nắm tay, có tảng to hơn cả con trâu nằm ven mép nước thượng nguồn. Dần về sau, người con trai đã lớn thành một thanh niên cường tráng miền sơn cước. Một hôm cha vào rừng săn bắt, người mẹ bảo con mang cơm vào rừng cho cha. Khi người con trở về, mẹ hỏi: Đã đưa cơm cho cha chưa? Người con buồn bã trả lời mẹ: Không thấy cha đâu cả, chỉ thấy một con chó, con đập chết rồi. Người mẹ hoảng hốt!

Theo thời gian, người con trai trưởng thành, có thể cùng với thanh niên trai tráng trong làng ra gươl mà ngủ, lên núi mà săn bắt, phát rẫy mà làm nương. Thấy thế, người mẹ nghĩ rằng không thể tiếp tục để con trai kéo dài tuổi thanh xuân lâu hơn nữa. Một hôm, người mẹ bèn gửi cho con một gùi gạo, bảo con hãy đi vòng quanh qua núi, gặp người nào thì hãy xin lấy người đó làm vợ.

Người nghe theo lời mẹ, gùi gạo lên đường. Đi một thời gian người con trai vòng quanh qua nhiều ngọn núi nhưng không gặp ai cả!”.

¹¹ Nay người Cơ Tu có 29 họ.

Huyền tích về sự xuất hiện tộc người Cơ Tu sinh ra rồi khai cơ lập nghiệp tại vùng đại ngàn Trường Sơn hùng vĩ của miền tây đất Quảng, đến nay chưa có lời giải đáp.

3. Thế giới quan, nhân sinh quan của người Cơ Tu

Thế giới quan của người Cơ Tu là quan niệm của họ về thế giới xung quanh hay về bản thân mỗi cá thể trong thế giới quan đó. Bởi nhờ đó, người Cơ Tu xác định mục tiêu, ý nghĩa trong cuộc sống của họ trên vùng núi rừng khất nghiệt và đồng thời chọn lựa và đưa ra hướng đi phù hợp với những mục tiêu và ý tưởng của họ. Từ đó họ nhìn vào cuộc sống của mình xem có phù hợp hay không, tức người Cơ Tu nhìn vào bên trong sự vật và hiện tượng và do thế đây cũng là nhân sinh quan của họ khi nhìn vào môi trường sống chung quanh. Từ cách nhìn vào ý nghĩa thực tiễn sinh động, bằng nhân sinh quan và thế giới quan tộc người, họ đưa ra triết lý về cuộc sống, mục đích cuộc đời trần tục giữa người với người với thiên nhiên và với người chết là thế nào cho phù hợp. Từ chỗ quan niệm mối quan hệ *trời – đất – dưới đất* thì cũng là thiết lập mối quan hệ giữa *trời – người – cõi âm*.

Bằng tri thức, niềm tin và ý tưởng cần đạt đến mà họ có được qua một quá trình chiêm nghiệm trong môi trường sinh tồn rừng núi, người Cơ tu hình thành cách tư duy vào thế giới âm – dương. Nó là hai mặt đối lập cần phân biệt để ứng xử thích hợp. Tìm hiểu thiên nhiên – môi trường sống – nhằm khẳng định niềm tin về thế giới hỗn mang chưa thể tiên liệu được, từ đó họ thiết lập nên vấn đề đạo đức của người đối với các yang, ma là thế nào dựa trên tín ngưỡng dân gian truyền thống, bao gồm quan niệm về vũ trụ nhân sinh, những nguyên tắc, đạo lý mà tộc người và cá thể trong cộng đồng phải tuân theo. Quan niệm về tín ngưỡng dân gian mà khách thể lớn lao nhất là *Trời*, sau trời là *Đất* và sau đất là *Dưới đất* (cõi âm). Thế giới quan của người Cơ Tu cho rằng Trời là đáng tối cao (Yang pol/thần Trời) đến Đất và cuối cùng là cõi Dưới đất. Như thế vũ trụ có ba tầng như vậy nên ta có thể nhìn thấy họ biểu hiện trên cột x'nur, cây rơ măng, cây rung rang, cây mía,... Họ tín ngưỡng và sùng bái những thực thể siêu nhiên đó một cách tuyệt đối. Và vì sùng bái, tín ngưỡng nên họ đặt niềm tin và hy vọng vào thế giới tốt đẹp hơn so với thế giới hiện thực đang tồn tại. Thông qua hoạt động thực tiễn trên miền núi rừng khất nghiệt mà họ hình thành được nhận thức về vũ trụ và con người, thần, ma (các loại). Từ đó hình thành nên thế giới quan và nhân sinh quan của họ.

Trong cuộc sống của người Cơ Tu, họ dựa vào rừng núi, đây là môi trường gắn liền với tư duy phát triển, theo đó hình thành nơi người Cơ Tu cái nhìn về thế giới tự nhiên, con người và các lực lượng siêu nhiên khác một cách gần gũi và có mối quan hệ dựa trên tín ngưỡng dân gian mang màu sắc tâm linh đậm đặc. Người Cơ Tu huyện Hòa Vang có quan niệm tương đồng với người Cơ Tu các huyện Nam Giang, Tây Giang và Đông Giang của tỉnh Quảng Nam. Bởi trước kia họ cũng từ vùng trung và vùng thấp sinh sống đan xen với người Kinh Hòa Vang. Mặc dầu định canh định cư ở vùng nào, quan niệm về vũ trụ của người Cơ Tu vẫn theo hệ thống: *Trời* (Vị thần thống lĩnh bầu trời, cũng đồng nhất với Trời) - *Đất* (Người) - *Dưới đất* (Cõi âm) và dù thế nào họ vẫn mang khát vọng gửi đến các đấng siêu nhiên - các yàng (thần) - và lực lượng tổ tiên ông bà hoặc cả hồn ma giúp cho Người có cuộc

sống yên bình, no đủ, không ốm đau bệnh tật, mùa rẫy nào cũng được mùa, đời sống của họ, gia đình họ và cộng đồng luôn phát triển bền vững trên cõi đời. Thế nên, những biểu tượng thể hiện vũ trụ quan thường xuất hiện nhiều hơn cả là được trang trí, kẻ vẽ ở gươl bằng nghệ thuật tạo hình khéo léo được gói gắm vào các bức tượng bằng gỗ như biểu tượng mặt trời, cây nêu, con gà trống, đầu trâu, ... Trên hai đầu nóc gươl họ luôn tuân thủ trang trí đối xứng bằng những ta'cooi (trang trí nóc). Thường gặp trang trí bằng đôi chim tr'ing với hai con rồng, hoặc hai chim tr'ing, hai sừng trâu, đầu trâu và hình người mà một trụ gỗ như là biểu tượng kết nối, giao tiếp giữa Người - Thần - Đất nhô cao lên trời. Mô hình tạo cho đầu nóc có hình trang trí như chiếc thuyền (nhìn từ phía gươl). Hoặc trang trí trên hai bên đầu nóc nhà là hình tượng con gà trống. Ta cũng gặp motif trang trí bằng cây rau dớn nhô lên khỏi mặt đất, bởi đó là biểu tượng tượng trưng cho sự sinh sôi, vươn lên trong môi trường khắc nghiệt của rừng nhiệt đới. Đồng thời họ còn trang trí, kẻ, vẽ, chạm trổ trên hai vì kèo nhà mồ với các đầu trâu, hoặc cây rau dớn. Đặt trên quan hòm là các tượng người, biểu trưng cho nhiều yàng, ma khác nhau đang ngồi giữ mộ.

Biểu tượng trang trí thể hiện vũ trụ quan con người luôn muốn được giao lưu, thông đạt nguyện vọng với lực lượng siêu nhiên, với dànang, đồng thời tiếp nhận ý muốn của dànang, không chỉ ở gươl mà nhà của mỗi gia đình cũng được trang trí như thế nhưng hình dáng nhỏ hơn tại gươl. Đây được xác định là không gian thiêng, không gian luôn ẩn hiện các vị thần, cả vị thần tối cao - thần Trời - luôn có mặt bất cứ đâu và vào bất cứ thời điểm nào cả ngày lẫn đêm. Quan niệm *Trời - Đất - Dưới đất là hệ thống thế giới quan của người Cơ Tu* và tách thành ba hệ ngũ nghĩa.

Trời được cho là nơi diễn ra cái vĩnh hằng, nơi tạo ra ánh sáng soi xuống trần gian (tức soi xuống Đất), tỏa một nguồn năng lượng cần thiết cho sự sinh sôi phát triển. Ở đó có sự sống, có những phúc lộc mà dànang đang nắm giữ và có quyền năng ban phát cho Đất (tại đây con người trần gian hưởng nhờ lộc cả). Thế nên, Trời được xem là vị thần tối cao trong quan niệm của họ. Nhiều tộc người trên thế giới quan niệm Trời: là một biểu tượng gần như phổ quát, qua đó con người thể hiện niềm tin và một sinh linh thần thánh ở trên cao, người sáng tạo ra vũ trụ và bảo đảm cho sự phì nhiêu của Đất (bằng những cơn mưa đổ xuống). Những sinh linh như thế có tài tiên tri và trí anh minh vô biên; những luật lệ đạo đức và nhiều khi cả những nghi lễ của bộ tộc là do họ đặt ra trong thời gian ngắn ngủi khi mà họ xuống cõi trần; họ giám sát việc chấp hành những luật lệ ấy và kẻ nào vi phạm sẽ bị sét đánh chết.¹² Hễ đêm xuống là một phần ánh sáng của Trời tồn tại phía bên kia và ngược lại. Đó là sự đối lập. Như thế, thế giới quan của người Cơ Tu coi dànang là bất biến và tồn tại cả ngày và đêm. *Dànang* có thể hóa thân thành nhiều vị thần khác nhau trong đó thường

¹² Jean Chavalier & Alain Gheebant (1992). *Dictionnaire des symboles*. Édition revue et augmentée. Robert Laffont, Paris.

kể đến là thần *ma lai* hay thần *partar*. Trong không gian đó luôn gắn chặt sinh mệnh của mỗi người trong cộng đồng, tức gắn chặt với Đất.

Đất đối lập với Trời một cách tương đối, nếu như Trời luôn phá nguồn năng lượng xuống cho đất sinh sôi nảy nở thì đất là nơi tiếp nhận. Con người từ đó sinh ra. Vì đất được ví như người mẹ: mẹ Việt Nam. Hay còn được hiểu như đàn bà, là phụ nữ, nên đất có tính nữ, chịu đựng, dẻo dai và bền bỉ, chịu sự chi phối của Trời. Người Việt thường ví đất như người mẹ: Đất Mẹ. Sinh ra từ Đất Mẹ và đến khi chết lại trở về với Đất Mẹ. Như thế đất mẹ luôn là sự sinh sôi, nảy nở và phát triển. Đất luôn có một sức sản sinh dai dẳng và tuyệt diệu. Nơi đất có thể ươm mầm sống cho nhiều loài cây cỏ núi rừng, có mùi vị khác nhau và cũng từ đất là sự tái sinh sau một chu kỳ phát triển. Theo đó, người Cơ Tu quan niệm Trời - Đất - Dưới đất. Bởi vì suy cho cùng trong văn hóa Việt, biểu tượng đất, “đây là loại tín ngưỡng nhằm giải quyết và thiết lập quan hệ của con người với các vật thể thiên nhiên và hiện tượng thiên nhiên. Ở Việt Nam, tín ngưỡng này có biểu hiện rất đa dạng... Tín ngưỡng đối với Đất, nơi con người và mọi vật sinh thành và trở về khi chết. Đất và Mẹ, nữ tính.”¹³ Như thế, người Cơ Tu với vũ trụ quan của mình cũng cho rằng đất sinh ra muôn loài và rồi đến lượt đất lại nhận sự trở về của muôn loài. Đất mang tính nữ, thế nên, ta có thể thấy trong lễ khai mở một vụ mùa, người đàn bà cao tuổi Cơ Tu được ưu tiên gieo hạt lúa đầu tiên xuống đất rẫy của làng, rồi sau đó, cả làng bắt đầu cho một chu kỳ mới.

Người Cơ Tu tôn vinh các vị thần thông qua nghi lễ thường thấy, đó là lễ đâm trâu hằng năm mà cột lễ là biểu tượng tượng trưng cho sự kết nối giữa *Người và Trời và Đất*. Cho nên nắng mưa là do có thần Trời và các đàn ban ơn xuống cho con người. Từ đó có hằng bao nhiêu may mắn, thuận lợi được các thần ban phát cho con người mặt đất, cả khát nghiệt con người phải nhận lấy. Bởi biểu tượng phức hợp của trật tự thiêng liêng và vĩnh hằng của vũ trụ, biểu lộ qua tính tuần hoàn, vận động có quy luật của các thiên thể, nhưng đồng thời khó tìm thấy như được che giấu làm cho con người gọi tưởng về trật tự siêu đẳng vô hình mệnh mông của thế giới vật thể, được quan niệm là thế giới của thánh thần và thế giới nội tại của con người. Và do đó, người Cơ Tu coi Trời là uy lực tối cao. Đó là dànang – thần Trời.

Thế còn Dưới Đất là bước chuyển tiếp, ở đó thể hiện cái chốc lát, cái không mãi mãi vĩnh hằng mà thường là ngắn ngủi (như một đời người) và rất dễ bị hủy diệt để trở nên rã mục dưới Trời và Đất. Quan niệm này đặt con người vào chỗ tin vào cái không thực thường bị bóng tối bao vây, dẫn đến cõi chết và nhân chìm con người hiện thực dễ sa vào tội lỗi. Cho nên ta thường thấy trong lễ tế người Cơ Tu luôn tạ thần dànang để mong tìm kiếm sự bình an, tránh đi tội lỗi trong cuộc sống trần gian luôn là một thế giới dường như nhân ảnh, không phải thực. Còn Dưới Đất là cõi âm

¹³ Xem : GS. TSKH. Tô Ngọc Thanh, Chủ tịch Hội VNDG Việt Nam (2019), *Những biểu hiện tín ngưỡng trong văn hóa dân gian*, in trong Tài liệu tập huấn của Hội VNDG Việt Nam tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

đầy tội lỗi và ma xấu ám ảnh luôn là nơi đáng sợ và nên xa lánh. Trên cây cột lễ x'nur người Cơ Tu chia thành ba phần, cả ba phần đều có mâu thuẫn nhau giữa cái vĩnh hằng, nơi ánh sáng và điều chốc lát, nơi u tối mê muội với cõi chết, tức gần với tầng Dưới Đất. Dưới Đất là sự trái ngược lại tất cả, là thế giới của âm phủ, của sự hủy diệt mục nát. Ngữ nghĩa thế giới quan người Cơ Tu được hiểu toát ra từ quan niệm thế giới ba tầng của họ, đó là đời sống trần gian này giống như cõi chết chóc, đối lập với đời sống vĩnh hằng của Trời là nơi phát ra ánh sáng, tin tưởng nhấn chìm những gì là Dưới Đất trở nên dễ bị mục rã dưới Trời. Vì thế người Cơ Tu dựng nêu và dâng lễ cúng dâng Trời, xin vị thần tối cao *Dàng Trời* hãy cho có được sự no đủ, bình yên và hạnh phúc, không bệnh tật, chết chóc. Như thế, chung lại vũ trụ quan người Cơ Tu coi *trần gian chính là vực sâu so với thiên đường, âm phủ là vực sâu so với trần gian*. Bởi chung quanh họ có quá nhiều lực lượng siêu nhiên, cả ma quỷ xấu đang làm cho cuộc sống vốn khắt nghiệt trên vùng núi non hiểm trở lại không được an lòng.

Điều đó cho hay rằng vũ trụ quan của người Cơ Tu là hệ thống các dâng/thần từ Trời - Đất - Dưới Đất, theo đó hệ thống dâng (tín ngưỡng đa thần) đã hình thành nên nhân sinh quan của người Cơ Tu thể hiện trong cuộc sống luôn vì cộng đồng, nương tựa vào cộng đồng, cộng đồng quyết định mọi hoạt động của các thành viên trong làng. Và mỗi thành viên đều phải kính trọng các dâng, bởi các dâng là đáng tối cao, phán quyết mọi chuyện trần gian,¹⁴ có như thế mới nhận lấy được hạnh phúc an lòng. Trong cuộc sống, họ luôn muốn tìm đến sự ấm no, hạnh phúc và vì cộng đồng, bởi *tầng trên - tầng mặt đất - tầng dưới đất* đều có dâng che đỡ và quán xuyên. Đó là tín ngưỡng vật linh, tin rằng mọi vật đều có linh hồn.

Và vì đáng tối cao là Trời nên trong một lễ lớn, người Cơ Tu luôn kính vọng, tôn sùng, đồng thời có sự khiếp sợ các lực lượng siêu nhiên từ cây cao bóng cả đến hòn đá trong rừng, suối nước, dòng sông, cây cỏ, ... nên họ luôn có nghi thức dâng lễ vật lên dâng thiêng để tạ ơn sự che chở, giúp họ có được cuộc sống yên lành cùng với cộng đồng cơ bhub/ tô bhub và làng. Và theo họ, không có lễ phẩm nào cao hơn, hay bằng “máu”. Chính đó, xưa kia hằng năm vào những tháng 1 - 3 hay 7 - 9 nhất định trong năm, người Cơ Tu luôn tạo ra nạn “giặc mùa” kéo dài tưởng không thể nào chấm dứt!

Quan niệm và giải thích sự ra đời, hình thành nên vũ trụ, tộc người Cơ Tu từ rất lâu trong lịch sử phát triển của mình đã tìm cách lý giải vũ trụ trên cơ sở niềm tin

¹⁴ Người Cơ Tu tin rằng dưới mặt đất ngồn ngang này là một thế giới khác - một thế giới có người sinh sống. Đó là người Đhor đêl sinh sống. Họ ăn uống bằng cách hít ngửi, họ không biết đến việc đại tiện, tiểu tiện và do đó rất sợ mùi phân. Phải chăng đó là hình ảnh còn lại về lớp cư dân cổ xưa thuộc loại hình nhân chủng Nêgrô Ôxtralôit vốn ở đây từ trước mà tổ tiên người Cơ Tu từng tiếp xúc. (TS. Lưu Hùng (2006), *Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ Tu*, NXB. KHXH). Điều này làm liên tưởng đến tín ngưỡng dân gian người Kinh Hòa Vang, họ cũng tin rằng có một thế giới ở cõi âm (ông, bà, cha, mẹ...) đang tồn tại đâu đó và luôn giúp đỡ con cháu sống an vui, hạnh phúc ở cõi trần gian. Thế nên trong mỗi lần giỗ chạp, họ tin rằng lực lượng ở cõi âm đó chi hướng hơi các lễ phẩm mà họ dâng cúng lên ông bà cha mẹ họ. Cả các thần linh được thờ cúng tại đình làng, họ cũng tin như thế.

vạn vật hữu linh. Nhiều dân tộc trên thế giới thông qua những câu chuyện cổ kể lại sự ra đời của vũ trụ, đồng thời giải thích sự ra đời đó bằng biểu tượng tượng trưng thông qua hệ thống huyền thoại. Những nghi vấn ban đầu về vũ trụ đặt các tộc người vào vòng xoáy của tư duy tìm lời giải đáp. Sông núi có từ đâu? Trời đất có từ đâu? Và con người cũng được bắt đầu từ đâu? Người Cơ Tu có từ đâu? Họ còn lưu giữ và sử dụng những câu chuyện truyền đời về hình thành vũ trụ, đó là những câu chuyện kể về sự sáng tạo ra thế giới muôn loài mà trong đó chứa đựng nhiều biểu tượng. Nó mang tính đa nghĩa và khái quát cao. Biết rằng mỗi tôn giáo đều có thuyết và huyền thoại của tôn giáo đó để giải thích về nguồn gốc vũ trụ hay là sự khởi nguyên của thế giới này. Một số chuyện cổ của người Cơ Tu về nguồn gốc vũ trụ bắt đầu không phải từ hư vô mà từ cái có thể nhưng trong trạng thái hỗn mang (như một số chuyện kể về sự ra đời cơ bhub hay tô bhub của họ) mà trong đó *nước, đất, bóng tối* có trước mọi sự vĩnh hằng. Đó là những nghi vấn phát sinh trật tự và ánh sáng cần được nhận biết.

Chuyện suy nguyên vũ trụ là những hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, sự xuất hiện của bảy sắc cầu vồng mang ý nghĩa thế nào trong hình thành vũ trụ. Sự xuất hiện câu chuyện của lửa cũng được người Cơ Tu lưu giữ để có thể nhìn vào đó, ta cảm nhận được sự suy nguyên của ngọn lửa với việc khai phóng con người. Và đây không ngoài quan niệm chung của khu vực Đông Nam Á rằng vạn vật hữu linh. Huyền thoại Cơ Tu kể rằng từ thuở mông muội của loài người, người Cơ Tu sống trong hoang dã, lấy hang động tự nhiên làm nơi trú ngụ. Bây giờ cuộc sống tối tăm, ăn tươi, uống sống, con người lượm hái để tồn tại. Vào một ngày, ông tổ tộc người thấy đời sống của người tối tăm mông muội, bèn lấy hai hòn đá đánh vào nhau xẹt ra tia sáng, ông gọi đó là nguồn gốc của lửa. Rồi bảo mọi người lấy đá đánh xẹt ra lửa để dùng. Người Cơ Tu làm theo, dùng cỏ khô, lá mục nhóm lên thành ngọn lửa. Từ đó, người Cơ Tu biết đánh đá lấy lửa và dùng được lửa, biết nướng thịt rừng mà ăn, thay cho ăn sống. Họ chấm dứt thời kỳ mông muội ăn lông ở lỗ.¹⁵

Vũ trụ ban đầu trong trạng thái hỗn mang, con người sống trong tăm tối tại các hang động, ăn tươi, uống sống. Ông tổ là người Cơ Tu được tộc người tôn xưng là vị dàng/thần cứu độ. Thần là lực lượng siêu nhiên do tộc người Cơ Tu tưởng tượng ra, và hành chức như mọi hoạt động của con người trần tục. Nơi thần tập trung nhiều biểu tượng mang tính nguyên hợp, chưa chia cắt nên yếu tố suy nguyên con người đều tập trung vào hình tượng thần linh bảo hộ và khai sáng. Nhờ hai viên đá thần mách bảo mà người Cơ Tu có được lửa. Vai trò của các vị thần thời thế giới hỗn mang ghi dấu ấn vào đời sống tộc người. Từ đó, người Cơ Tu biết sử dụng lửa vào việc nướng chín thịt rừng, các loại thức ăn. Sau khi có được ngọn lửa sưởi ấm, nướng

¹⁵ Ông Bùi Văn Cầm, 86 tuổi già làng thôn Giàn Bí, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang kể tại nhà riêng của ông. Võ Văn Hòe ghi, 5/2018.

chín thịt để ăn, người Cơ Tu tách mình ra khỏi thời kỳ hỗn mang mông muội, bước sang thời kỳ mới trong sự phát triển của mình.

Hiện thực có thể tri giác được là những câu chuyện suy nguyên vũ trụ, cái chúng ta có thể tri giác được về sự hình thành vũ trụ và quan niệm của người Cơ Tu về nó. Đó là sự sáng tạo ra sông núi, trời mây chứ không phải bản thân của sự sáng tạo. Diễn trình tồn tại của những truyện huyền thoại thu lượm được tại các làng Cơ Tu tại các huyện Nam Giang, Tây Giang và Đông Giang cho biết rằng, huyền thoại giải thích sự có mặt của những ngọn núi, dòng sông, khe suối, nước, lửa là thế nào!

Huyền thoại Cơ Tu kể rằng: “Ngày xưa, vùng núi Giàn Bí là một vùng đất hoang sơ huyền bí, một hôm có vị thần đã đào đất đắp núi, những đường đào của thần về sau tạo nên hai con sông, người Cơ Tu ở đó đặt tên là sông Nam và sông Bắc. Sông Bắc có địa thế bằng phẳng hơn nên công việc đào sông được nhanh, nhưng không may có nhiều người chết. Còn sông Nam do một vị thần khác rất giỏi tiếp quản, tuy làm chậm hơn vì địa thế ghenh đá hiểm trở, nhưng vị thần này rất cẩn thận nên ít người chết. Sau khi đào sông, đắp núi xong, có ông Cung là anh, ông Quét là em đến cai quản vùng đất này, ra tay trị được thú dữ và xây dựng nên làng.”¹⁶

Vũng Bọt trong một bản truyện, kể rằng: “Hằng năm, vào mùa mưa lũ, nơi gặp gỡ giữa hai con nước sông Nam và sông Bắc đã tạo nên một vùng nước xoáy, trắng xóa rất cao, chiếm lĩnh cả một vũng sông lớn, tạo nên một vùng rộng, nước xoáy hung dữ tạo nên những bọt nước ào ào trước khi đổ vào sông Cu Đê.” Từ đó, người Cơ Tu ở đây định danh vũng nước là Vũng Bọt.

Điều này nhận ra rằng, mọi thuyết về nguồn gốc vũ trụ bao gồm sự công hiến và hy sinh: thần sẽ đem lại vật chất cho con người, tham gia vào hoạt động khởi nguyên để biến đổi nó thành vũ trụ ban đầu. Những huyền thoại về nguồn gốc phát sinh vũ trụ luôn gắn với các thần và về các cuộc chiến đấu của các thần, hay giữa những người khổng lồ mà trong đó có thể hình dung không thiếu những cuộc thư hùng mới giành được thắng lợi để dựng nên từng dãy núi, từng con sông và từng khe suối, nước non cuốn trôi đi những trở lực, để con người tồn tại vĩnh hằng ở đó¹⁷ mới có được.

Huyền tích có tính suy nguyên tìm thấy tại địa bàn Tà Lang, Giàn Bí của huyện Hòa Vang cho biết vũ trụ hình thành thế nào từ mớ vật chất hỗn mang chưa thiết lập trật tự ban đầu. Đó là giải thích vũ trụ và các hiện tượng tự nhiên mà vai trò của các đàng/thần mang tính quyết định trên cơ sở phá hủy cái cũ, đổi thay để có cái mới. Điều này vận vào cuộc sông đương đại việc biến dịch dẫn đến biến đổi các thành tố văn hóa truyền thống, người Cơ Tu miền tây đất Quảng nằm trong tư duy hệ thống này. Đó cũng là bình diện khác của huyền tích về nguồn gốc vũ trụ là quy

¹⁶ Truyện : *Sự tích sông Nam, sông Bắc* (Bà Đinh Thị Hựu sưu tầm tại thôn Tà Lang, xã Hòa Bắc, tháng 5/2019 cung cấp.

¹⁷ Xem: Huyền tích về *Nguồn gốc người Cơ Tu*, Bh'riu Liéc (2019) trong *P'Rá Cơ Tu*, NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội.

luật phổ biến hy sinh làm tái sinh, phá hủy làm sáng tạo là hai mặt đối lập của sự vật. Chúng ta ngày nay hình dung ra một quá khứ xa xăm cùng quá trình đấu tranh chuyển đổi đầy gian khổ của những vị đàng/thần được Cơ Tu ngưỡng vọng để chế ngự cái hỗn mang chưa thiết lập nên trật tự. Trước những hỗn mang, hoang sơ, huyền bí, họ không thể tránh khỏi sự khiếp sợ có khi kinh dị, không rõ ràng những huyền tích về vũ trụ ấy, từ khiếp sợ đến làm chủ núi rừng là một quá trình chuyển đổi năng lượng, biểu trưng cho năng lực khai sinh vũ trụ trong nhận thức của người Cơ Tu miền tây đất Quảng.



Chim tr'ing, rông (Ảnh: St) Gà rông (Khắc gỗ, Ảnh: VVH) Gà rông trên nóc gươl (Ảnh: VVH) Cây rau dớn (Ảnh: St)

4. Lễ têng pĩn và sự biến đổi thế giới quan và nhân sinh quan - trường hợp họ A Ting, làng A Duông, thị trấn P'rao, huyện Đông Giang, Quảng Nam.

Lễ dòi mồ (têng ping - bỏ mả) của người Cơ Tu Quảng Nam có từ lâu đời. Họ rất quan tâm đến lễ này (Cơ Tu gọi là têng pĩn đọc thành têng ping). Do điều kiện nào đó tác động, như tranh chấp vùng đất chôn cất, do phải di dời vì lũ lụt có khả năng làm trôi mồ mả, vì xây dựng công trình phúc lợi xã hội và vì luật tục quy định, ... nên phải dời mồ. Tuy nhiên, việc têng ping là tập tục phải thực hiện của người Cơ Tu đối với người thân trong gia đình sau khi chết chừng ba năm (hoặc có thể dài hơn). Tập tục không khắt khe về thời gian têng ping, sau chết ba hoặc bốn, năm năm, thân nhân trong gia đình lại tìm nơi chôn cất mới nên tiến hành thực hiện việc têng ping. Dời mồ phải tổ chức lễ quy mô như lúc mới chết. Phải chọn đất, phải xin phép thần linh, được sự đồng ý của đàng mới được dời mồ. Lễ xin đàng bằng cách ném quả trứng vào đá, trứng vỡ là đồng thuận, trứng không vỡ xem như đàng, tổ tiên chưa cho dời mồ.

Khảo sát trường hợp lễ dời mồ người thân một gia đình họ A Ting tại thôn A Duông¹⁸, thị trấn P'rao, huyện Đông Giang diễn ra trong hai ngày 3 & 4/10/2020.

¹⁸ Ông A Ting Đĩa. dời mộ cha mẹ và ba người cháu về nơi an táng mới. Thôn/ làng A Duông thuộc thị trấn P'rao, huyện Đông Giang có 145 hộ, 635 khẩu, diện tích 566,7 ha. Xem: Võ Văn Hòe (2019), *Địa danh Quảng Nam xưa & nay*, quyển 1, NXB Hội Nhà Văn.

Theo ông A Ting Đĩa là con trai của cha mẹ được dòi mồ cho hay rằng: “*vào một đêm nọ, mẹ ông về báo mộng rằng mộ của mẹ vì chôn gần bụi lồ ô nên rễ lồ ô mọc vào phần hài cốt*”.

Tiếp nhận và giải cấu trúc giấc mơ, cho hay rằng mẹ ông Đĩa muốn dòi mồ đi nơi khác để hồn được về với tổ tiên, về với yàng.¹⁹ Từ tinh thần trên, gia đình chọn đất, ngày giờ dòi mồ bà, nhân lần này, dòi cả mồ ông và ba người cháu cải táng về một khu mộ chung cho được an toàn.

Quan sát một lễ dòi mồ điển hình tại một làng, cho thấy quá trình diễn ra theo một cơ chế nhất định. Bởi vì đây là tập tục cổ truyền nên thường không thay đổi cơ chế. Theo GS.TSKH.Tô Ngọc Thanh, *hoạt động văn hóa dân gian luôn tuân thủ theo cơ chế lòng bản – bài bản*.²⁰

Cơ chế của hoạt động dân gian (hay một thành tố dân gian), người xưa đã sáng tạo ra cơ chế hoạt động mà nay các nhà nghiên cứu gọi là lòng bản – bài bản. Lòng bản là khuôn mẫu mang tính cộng đồng được trao truyền qua nhiều thế hệ, do đó ai trong cộng đồng cũng có thể thực hiện được, nhất là người cao tuổi.

Trường hợp lễ têng ping (lễ dòi mồ) người thân (cha, mẹ và ba cháu) một gia đình thuộc dòng họ A Ting tại làng A Duông, thị trấn P’rao, huyện Đông Giang là một diễn trình thực tiễn được thực hiện liên tục từ lúc mới bắt đầu đến khi kết thúc. Tại tư gia, họ đang hành lễ tiến hành hai ngày một đêm (ngày 3 và 4/10/2020), thể hiện lòng bản – bài bản qua các bước không thay đổi. Các bước thực hiện liên kế nhau, không tự ý xáo trộn trình tự đến khi lễ kết thúc, xem là đã thực hiện xong một quy trình của lễ têng ping. Người Cơ Tu tiến hành têng ping qua các bước trở thành bài bản thường lệ. Để thực hiện lễ dòi mồ, tại phía phải của sân nhà (nhìn từ trong ra), người thân thiết lập một lều thổ cẩm (lều cúng), vây che, lợp bằng nhiều tấm dồ, tấm tút), đặt di ảnh người được têng ping để thờ, có hai mâm lễ dâng cúng (che đập bằng tàu lá chuối tươi, không quan sát được. Xem ảnh 2).

-Bước 1:

¹⁹ Theo quan niệm vũ trụ quan người Cơ Tu.

²⁰ Xem: GS.TSKH.Tô Ngọc Thanh (2012), bài giảng *Văn hóa dân gian – nội hàm và đặc trưng – những phương pháp tiếp cận*, tại lớp tập huấn *Nâng cao chất lượng sưu tầm, nghiên cứu văn hóa văn nghệ dân gian*, tổ chức tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak.

**Buổi sáng ngày 3/10, làm lễ tại mộ (lễ là heo, gà, vịt, bánh cuốn, rượu đã chín, chủ lễ là già làng A Duông Bh'Nướcch Rôm) xin được têng pĩn/hốt cốt cho vào áo quan mới,*²¹ *đặt tại nơi cao ráo, sạch sẽ - nơi được cho là phù hợp để đặt hài cốt trước khi cải táng. Tại làng A Duông thị trấn P'rao, thân nhân người quá cố mang năm hài cốt đến nơi chôn cất mới, dựng, vây lều thổ cẩm đặt quan hòm hài cốt tại nơi huyệt mộ mới.*



(Ảnh 1) Hài cốt đặt vào quan hòm

**Di chuyển áo quan đến nơi chôn cất mới.*

Người thân trong gia đình, người trong dòng họ và những người giúp việc đưa quan hòm (sau hốt cốt) từ nơi hốt cốt đến nơi chôn cất mới.



(Ảnh 2) Cúng hồn ma trước lều thổ cẩm, do vị thầy cúng Bh'Nướcch Rôm hành lễ. Trong lúc cúng vừa hát lý, vừa nhịp trống chơ gơ trước di ảnh. Người thân ngồi hai bên di ảnh. (Ảnh: cắt từ video clip của Nguyễn Đăng Hựu, đêm 3/10/2020).

-Bước 2:

²¹ Hoặc gói trong tấm dò, tấm tút như trường hợp một gia đình Cơ Tu tại huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên - Huế.



Hài cốt được gói trong tấm thổ cẩm (Trường hợp một lễ têng ping tại huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ảnh: St))

**Tối, vào lúc đèn phải được thắp sáng lên cúng hồn ma*

Bấy giờ người thân trong gia đình tập trung trước lều thổ cẩm (lều cúng), ngồi thành hàng hai bên di ảnh, hoặc biểu tượng khay bằng gỗ có đặt các tượng người tại bốn góc (thay cho di ảnh – hồn bạch), cúng hồn ma người chết tại sân nhà (giữa sân đã trồng cây cột lể (nhỏ vừa) và cột con bò hiến tế tại đó, (do không đủ kinh phí tế trâu). Hương, đèn sáp được thắp sáng lên. Tại bước này, người thân rước hồn ma và cúng hồn, kêu gọi người quá cố về với gia đình, giúp đỡ người còn sống trên cõi trần gian (bài bản chung trong têng ping). Kêu gọi và mong rằng hồn ma người chết không trách móc người thân. Người thầy cúng hát lý cúng ma cũng trên tinh thần đó mà hát thương tiếc.

*Lễ bắt đầu bằng nói – hát lý do một thầy cúng trong làng hát trước. Mở đầu là già Bh'Nướch Rôm (già làng A Duông, chừng 75 tuổi), vừa nhịp trống, vừa hát. Nội dung hát thường là *mong hồn ma người thân về với gia đình, con cháu, an vui nơi cõi trời, giúp cho người thân mạnh khỏe, không đau ốm, chết chóc và làm ăn sung túc*. Kê là người già làng A Duông, ông A Ting Né thực hiện hát – nói lý. Nội dung *mong hồn ma không trách người thân, an lòng về với tổ tiên, với làng, hát kể công lao và tình cảm của người quá cố với làng, với mọi người thể hiện nỗi niềm thương tiếc*. Điềm nhịp là chiếc trống chơ gor. Người hát lý vừa đánh nhịp trống, vừa hát. (Trống điềm loi, không dồn dập).

Hát xong, một đại diện dòng họ A Ting do ông A Ting Đhon thực hiện hát lý đáp lễ. Lời hát đáp lễ thường là *gợi lời cảm ơn già làng, thầy cúng và toàn thể nội, ngoại, người thân có mặt đông đủ trong ngày lễ têng ping; cảm ơn dân làng đã đến dự lễ và chia sẻ tình cảm với gia đình*.



(Ảnh 3) Đại diện dòng họ A Ting, già A Ting Đhon (mang khăn đen) hát lý đáp lễ. (Ảnh: cắt từ video clip của Nguyễn Đăng Hựu, đêm 3/10/2020).

-Bước 3:

**Múa nghi lễ dâng tưng da dấ dâng com cho ma.*

Thành viên múa được chọn là người thân trong gia đình hoặc người trong dòng họ A Ting. Múa do những người thân trong gia đình thực hiện chủ lễ, nếu thiếu người, gia đình huy động thêm những

người bà con trong dòng họ A Ting tham gia múa nghi lễ (chủ yếu là phụ nữ - *padiil da dấ*). Hoặc có thể mời người làng cùng nhảy múa theo nhịp điệu nghi lễ hiến dâng và cầu nguyện.

Phối hợp với múa là điềm một hồi chiêng trống theo phương thức trình tấu (chiêng trước, trống sau) như người đồng bằng; đồng thời đội nhạc lễ có trống ca

thu, trống chơ gor, cồng lớn, cồng nhỏ phối hợp tấu lên. Âm thanh của những người tham gia hú, thét lạnh lạnh cùng với đội múa và dân làng hòa với âm thanh các loại nhạc cụ vang lên trong đêm yên ắng, tạo không gian sân nhà trở nên không gian thiêng, đan xen yếu tố ma thuật lẫn hiện thực.

Tại làng A Duông, đêm 3/10/2020, lễ diễn ra có 6 nữ và 1 nam múa điệu tung tung da dă theo hình thức nghi lễ (không sôi động, rộn ràng). Nhạc tấu không hùng dũng, không có cao trào mà âm vang trầm, réo rắt gợi nhớ gợi vào chốn thình không, hòa cùng với nhạc cụ chiêng, trống châu vùng đồng bằng điềm thêm,²² tạo nên một không gian thiêng đầy tính ma thuật và huyền bí. Tiếng chiêng, trống, nhạc cụ trình tấu liên tục rền vang trong không gian thiêng giữa sân nhà trong đêm yên ắng, cùng với tiếng hú, thét réo rắt như át đi hồn ma xấu đang ẩn nấp đâu đó trong làng, trên đường.

Múa nghi lễ trong lễ têng ping

(Ảnh 4): cắt từ video clip của Nguyễn Đăng Hựu, đêm 3/10/2020).



Cùng với múa nghi lễ thực hiện vòng ngoài, vòng trong hai người mang khay biểu tượng cho hồn người quá cố vừa hát với giọng trầm buồn, vừa bước tới, rồi thụt lui theo nhịp chiêng trống, động tác đu đưa như đưa võng nhịp nhàng càng lúc càng tiến về phía trước theo hình vòng tròn quanh cột x'nur. Đây là hình thức gọi hồn, đưa hồn về với cõi Trời, mãi mãi bình yên. Theo sau, một phụ nữ nối theo cùng bước lui tới nhịp

nhàng, trên hai tay là cơm dâng cho người thân quá cố. Hai bên là hai hàng người thân rải gạo muối lên trên tầm đồ che mưa nắng, hàm ý rằng thí thực cho các loại ma xấu. Đồng thời dọc theo hai bên nơi gọi hồn ma cũng thí thực xuống đất bánh cuốt, nhằm cúng gửi cho các ma hiền ẩn nấp đâu đó trong nhà, trong lu, ché, ...

Khi dâng cơm cho ma, tấm đồ được kéo căng ra, cách điệu như mái nhà, che mưa nắng cho hồn ma.

Sau lễ dâng cơm cho ma từ khuya, người thân, người trong dòng họ A Ting và người làng thay nhau hát – nói lý thương tiếc cùng với tiếng trống chơ gor điềm nhịp đến rạng sáng hôm sau.

Lễ têng ping mang đầy yếu tố tâm linh, huyền bí trong không gian mang đầy tính ma thuật. Người thân còn sống mong cho hồn ma người quá cố được về với tổ

²² Sử dụng chiêng có núm và trống châu người Kinh. Hai nhạc cụ này được khởi trước và khởi ba hồi liên tục, kế là tiếng hú, hét vang lên, đến các loại nhạc cụ: trống ca thu, trống chơ gor và cồng lớn, nhỏ trình tấu âm thanh nghi lễ cúng ma.

tiên, với dăng, và luôn giúp đỡ người thân không mắc bệnh tật, chết chóc, không ốm đau và cầu xin hồn ma giúp cho người thân làm ăn phát đạt, xua đuổi mọi tà ma xấu làm hại đến người thân và dòng họ, và cộng đồng làng.



(Ảnh 5) Dùng tấm thổ cẩm che đưa cơm cho ma
(Ảnh: VVH, đêm 3/10/2020)



(Ảnh 6) Dăng cơm cho ma. (Ông A Ting Nin đang thực hiện động tác dăng cơm. (Ảnh: VVH, đêm 3/10/2020)

-Bước 4: Hát thương tiếc

**Hát thương tiếc*: già làng, người trong dòng họ A Ting, thay phiên nhau hát – nói lý... đến 3 giờ sáng hôm sau, ngày 4/10/2020 (giờ Dần).



(Ảnh 7) Người trong dòng họ hát thương tiếc (Già làng P'rao: A Ting Đhon hát, tại thời điểm ngắt câu hát, nhịp trống chơ gơ đi kèm) (Ảnh: cắt từ video clip của Nguyễn Đăng Hựu, đêm 3/10/2020).

Trong hát thương tiếc, phụ nữ hát – nói lý bên chiếc lều cúng với điệu *ca lâu* khóc, hát thương người quá cố. Đàn ông với các loại nhạc cụ: cồng (chiêng lớn, nhỏ), trống chơ gơ thực hiện điệu *ca lênh* thương tiếc kể về cuộc đời và sự nghiệp người quá cố, người thân, những công hiến và tình cảm của họ với người thân, dòng họ và với cộng đồng làng. Kể lại những việc làm lúc người quá cố còn sống,... Họ nhảy múa nghi lễ suốt đêm, hoặc có thể không, nhưng hát thương tiếc là không ngơi nghỉ, với nhạc lễ hòa lên âm vang đến rạng sáng hôm sau.

-Bước 5:



**Đâm trâu cúng dàng, ma (lễ là máu trâu, đầu trâu, gà, vịt (2 con còn sống)) và com lam, bánh cuốt, ...*

Trong tiếng chiêng, trống nghi lễ, một người có đủ sức khỏe trong dòng họ A Ting được cử thực hiện việc đâm trâu (trường hợp một gia đình họ A Ting làng A Duông tưng ping hiến tế con bò).

(Ảnh 8) Trâu ngã. Ông A Ting Nin – người trong dòng họ - được phân công đâm bò (trâu). (Ảnh: cắt từ video clip của Nguyễn Đăng Hưu, đêm 3/10/2020)

Trước khi bò tắt thở, các thanh niên trong dòng họ nắm bốn chân bò quay quanh cây cột lễ, hướng đầu bò về phía nhà ở và sau đó hướng về chiếc lều thổ cẩm – nơi đặt hương án và di ảnh của người quá cố – bò tắt thở, thanh niên trai tráng kéo tấm đắp trùm lên thân mình bò.

Vị chủ lễ đặt chiếc chiếu cạnh nơi bò, dùng mâm lễ đặt lên chiếu và khởi chinh cổ nhạc cúng dàng, tổ tiên, hồn ma.

Lễ xong, cắt đầu bò đặt nơi gốc cột lễ (x'nur), mang thân bò ra khỏi nơi linh thiêng, lo việc ẩm thực và cho các lễ tại nơi chôn cất mới.

-Bước 6:

**Rước hồn ma đến nơi an táng mới*

Hồn ma người thân được rước đến nơi an táng cùng với di ảnh, bát hương cũng được mang ra nơi chôn cất²³. Nhạc lễ được tấu lên từ nhà đến nơi an táng.

Trên đường rước ra điểm an táng mới, tấm che bằng thổ cẩm được mọi người dùng cây gậy căng ra, nắm trên tay tạo thành mái che di động, che chắn di ảnh, bát hương đi từ nhà đến nơi chôn cất.

Tại nơi an táng mới tiến hành lễ cúng: lễ phẩm có rượu, đầu bò (trâu) đã được luộc chín và các vật lễ khác: gà, vịt com lam, bánh cuốt, rượu và các loại thực phẩm dâng cúng dàng, hồn ma.

²³ Bát hương, đèn cây thấp sáng, chiêng, trống châu được giao thoa tiếp biến từ vùng đồng bằng.



(Ảnh 10) Rước hồn ma về nơi an táng mới (Ảnh: VVH)



(Ảnh 9) Rước hồn ma về nơi an táng mới (Ảnh: VVH)

-Bước 7:

**Sang chiều (13 giờ 00), đưa cỗ quan xuống nhà mồ (mồ huyệt).*

Tại đây, già làng A Duông Bh'Nướch Rôm, thân chủ là ông A Ting Đ. và người nhà, có sự giúp sức của người trong dòng họ A Ting chuẩn bị, sửa soạn lại nơi chôn cất, nơi đặt hài cốt cha và mẹ ông A Ting Đ. và ba người cháu nội của gia đình.

Mỗi người được chôn vào một phần mộ riêng. Người làng giúp sức cho việc chôn cất.²⁴

Công việc hoàn thành, gia đình ông A Ting Đĩa. bàn soạn thực phẩm vừa mới cúng, tổ chức mời các vị khách, người dân làng và dòng họ A Ting dùng bữa cơm cộng cảm với gia đình ngay tại huyệt mồ.

Xem như người chết đã về với cõi Trời. Những người còn sống đã thanh thản trong lòng.

Lễ kết thúc.²⁵

Một quy trình lễ tâng ping thực hiện từ đầu đến cuối không thay đổi. Tổ tiên xưa người Cơ Tu thực hiện theo trình tự thế, được xem là lòng bản – bài bản, không ai có quyền thay đổi hay thêm bớt và được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nay vẫn giữ.²⁶

Một bài bản như thế bao gồm một phức hợp nhiều nghi lễ để tạo nên một tổng thể nguyên hợp gắn liền nhau, bởi tính chất của một thực thể lễ hội được cấu tạo bởi nhiều thành tố ngay từ khởi nguyên mà tổ tiên người Cơ Tu sáng tạo nên. Các thành

²⁴ Người Cơ Tu quan niệm rằng, người thân sau khi chết được chôn cất, sau ba năm có khi nhiều năm sau, thế nào cũng phải tổ chức lễ dời mồ. Bởi dời mồ cho biết rằng người thân đã được đưa lên khỏi mặt đất, được về với cõi Trời (thể hiện vũ trụ quan của người Cơ Tu thế giới có ba tầng: cõi Trời – cõi Người – cõi Âm). Vì thế trong lễ dời mồ, tập tục xưa người Cơ Tu không chôn quan hòm xuống đất mà đào huyệt và đặt một phần quan hòm xuống, không lấp đất. Xem như người chết đã về với cõi Trời, về với Đàng. Trường hợp gia đình ông A Ting Đ. chôn cất hài cốt xuống đất và lấp kín.

²⁵ Nay, họ đặt bàn thờ và thờ tự tại nhà. Xưa thì không.

²⁶ Có thể thay đổi về quy mô, thời gian, kinh phí nhưng các lễ diễn ra trong tâng ping là không thay đổi.

tổ lễ têng ping: phần cúng, phần múa, hát – nói lý, rải gạo muối, múa tâng tung đã dấp, động tác đưa cơm cho ma, niệm hương, chiêm trông hòa nhịp (Tiếp biến nghi lễ lễ người Kinh), âm thanh hú – hét dội lên, rải bánh cuốt, gạo muối cho ma,... tất cả được thực hiện đầy đủ mang yếu tố tín ngưỡng dân gian, thể hiện đời sống tâm linh trong lễ têng ping là không thay đổi. Trong lễ, cho thấy yếu tố ma thuật được thực hiện mong đẩy lùi sự sợ hãi ra khỏi bản thân, gia đình, dòng tộc và cộng đồng làng.

Tuy nhiên trong lễ têng ping, các thành tố diễn ra trong lễ làng A không giống làng B ở các thành tố tạo nên lễ. Do đó, khó có thể xem lễ têng ping làng A hay làng B là lễ gốc. Theo đó, mỗi lễ têng ping có thể được thực hiện không giống nhau các thành tố lễ, như sử dụng khí cụ chiêm, trông người Kinh, nhưng lòng bản – bài bản không thay đổi. Bởi trình tự lễ đã trở thành thói quen, thành phong tục tập quán có sức mạnh to lớn trong duy trì lối sống theo quan niệm nhân sinh quan và thế giới quan của người Cơ Tu. Ở đây là trường hợp dòng họ A Ting tại làng A Duông, thị trấn P'rao. Do đó, lễ têng pin có tính mặc định trong tín ngưỡng dân gian cộng đồng làng.

Tuy thế, sự giao thoa tiếp biến văn hóa trên phạm vi huyện, tỉnh, giữa đồng bằng với miền ngược đã phần nào làm thay đổi lễ têng ping cổ truyền của người Cơ Tu, theo đó, làm thay đổi quan niệm và nhận thức về thế giới quan và nhân sinh quan của tộc người Cơ Tu, ở đây là trường hợp họ A Ting làng A Duông, thị trấn P'rao. Theo cụ lão thành Y Kông, tại thôn Ban Mai, xã Ba huyện Đông Giang, Quảng Nam và ông A Lăng Đợi, làng Gừng, thị trấn P'rao, huyện Đông Giang cho rằng: Lễ têng ping tiến hành chôn lấp hài cốt trở lại cõi âm lần nữa là không phù hợp với quan niệm về đời mò của người Cơ Tu. Lễ têng ping cổ truyền của người Cơ Tu không chôn xương cốt trở về lại cõi âm, do họ đã được đưa lên từ cõi âm, mà nếu chôn lấp lần nữa xem như đồng nghĩa với việc người thân chưa thể nào thoát ra cõi âm – cõi mục nát, hủy diệt, tức cõi Dưới đất – để trở về với cõi Trời, về với Yàng được. Do đó, quan niệm người Cơ Tu đời mò về vị trí mới không chôn lấp. Đây là trường hợp trái với quan niệm và nhận thức truyền thống của người Cơ Tu nói chung. Trường hợp chôn lấp lần nữa và đắp mộ riêng cho từng cá thể, xem như đưa họ quay trở về cõi âm, cõi Dưới đất mà chưa thể thoát ra khỏi cõi đen tối, mục nát và đầy rủi ro như người Cơ Tu quan niệm về thế giới quan tín ngưỡng tâm linh của tộc người. Theo đó, kéo theo việc tách rời việc không thể tổ chức thực hiện nhà mồ Cơ Tu – một kiểu kiến trúc nghệ thuật đặc sắc của người Cơ Tu miền Tây đất Quảng – đã thực hiện xưa nay. Bởi tại nhà mồ Cơ Tu, tập trung nhiều hồn ma mà biểu tượng là các tượng gỗ, ngòi chổng cằm nhìn xa về một không gian nào đó xa xăm. Có thể là luyện tiếc cõi đời thực, có thể chiêm nghiệm về thân phận con người trên cõi đời đầy trần tục với nhiều nỗi khổ đau chưa thoát được. Biểu tượng khác có thể là hình bóng người quá cố đang ngồi ngắm, nhìn vào cuộc đời đầy luyện tiếc và bất trắc. Và một loại

tượng biểu trưng nữa là các thần/ma (ma hiền), mặt nạ ngồi canh giữ mộ phần dòng họ/ gia đình.

Nghệ thuật tạo hình tại nhà mồ Cơ Tu thể hiện trên hai vì kèo, phía trước là hai đầu trâu, đầu kèo phía sau cũng có thể là đầu trâu. Cũng có nhà mồ hai đầu kèo được chạm trổ biểu tượng hai cây rau dớn. Chung quanh vì kèo có khắc trổ tượng padil ya yá, cũng có tượng người đàn ông với động tác tâng tung, hoặc thổi kèn, người đàn ông đánh trống chơ gơ. Trang trí cho đẹp, đồng thời có yếu tố thiêng tại nhà mồ, những thanh gỗ có khắc chạm hoa a tút, hoa pơ lom hay mặt trăng, mặt trời. Thường gặp trong trang trí hoa văn là các cặp trắng – đen, đực – cái, theo đó biểu hiện quan niệm hai mặt đối lập trong cuộc sống và cõi chết.



(Ảnh 11) Khay đặt trên cổ quan trong nhà mồ

Tại nhà mồ người Cơ Tu, ngoài hệ thống tượng, mặt nạ (ma hiền) canh giữ hồn ma người thân ngồi chung quanh khu nhà mồ, còn có tượng người đứng trong khay gỗ, bình nước và vài cái cốc được đặt trên mỗi cổ quan. Mỗi khay gỗ thiết kế, cho ta nhận ra nơi bốn góc khay giao nhau tạo nên hình mặt trăng khuyết, từ góc nhìn khác là hình tượng cặp sừng trâu.

Khi hài cốt người thân được gói trong tấm dồ, tấm tút (để đặt vào trong

quan tài), nếu có nhiều người thân cùng tâng pĩn vào cùng thời điểm, người ta dùng hai, hoặc ba cổ quan. Hài cốt được đặt vào cổ quan tài. Trên mỗi cổ quan đặt một khay mà bốn góc thiết trí bốn biểu tượng giống nhau, nhìn ở góc độ nào đó là chiếc sừng trâu, ở một góc nhìn khác là hai vầng trăng khuyết giao nhau. Người Cơ Tu gửi vào đó điều gì?

Ngược thời gian về quá khứ từ thời nguyên thủy thì đây là biểu tượng của chiếc sừng trâu được khắc trổ trên một tấm gỗ đối xứng nhau là đầu trâu với hai sừng. Thuở xưa, các tộc người nguyên thủy gọi đó là “*đầu trâu máng nước*”.

- Sừng trâu biểu tượng cho phái mạnh của giống đực, sự vươn lên mạnh mẽ và đồng thời còn biểu trưng cho tính phồn thực. Sừng trâu cong như vành trăng khuyết để phân biệt đực – cái. Sừng là dương vật. Nhiều tộc người thời nguyên thủy coi cặp sừng là biểu trưng của uy quyền, theo đó, có tù trưởng bộ tộc thường sử dụng cặp sừng để tỏ rõ uy quyền của mình. (Thời nay ta còn gặp trên các sân bóng đá, nhất là các sân bóng ở châu Âu, một số cổ động viên đội chiếc mũ có thiết kế cặp sừng màu đỏ hoặc màu đen, màu vàng trên đầu, họ cổ động cho đội bóng của họ. Điều đó cho ta hiểu rằng ước muốn về sức mạnh và biểu hiện uy quyền, sự vươn lên

của đội bóng đá mà họ yêu thích vẫn luôn tồn tại²⁷). Vậy thì biểu tượng biểu đạt “*sùng trâu máng nước*” của các tộc người nguyên thủy vẫn còn tồn tại.

- Còn máng nước thời nguyên thủy xem là biểu trưng cho giống cái, cho phái nữ nên máng là âm vật. Thời nay vẫn còn sử dụng khi cánh đàn ông dùng biểu tượng “*úp máng*” để biểu trưng về cái của giống cái – nữ tính. Nước là vật thể không định hình, chỉ sự yếu mềm, nhưng rất mạnh mẽ, bởi nước là cái để tồn tại để khai sinh vạn vật và nước cũng để sinh tồn.

Như thế, từ góc nhìn này biểu trưng cho tính phồn thực, không chỉ cho tộc người Cơ Tu mà cho nhiều tộc người khác nữa thời nguyên thủy.

Còn nếu nhìn từ một góc nhìn khác bốn góc của khay (như máng nước) lại thấy hai vàng trắng khuyết tiếp giao nhau.

Trăng trong tâm thức người nguyên thủy được ví như là sự đồng nhất cánh sùng trâu. Trăng còn ví như vòng đời người, liên tưởng đến thời gian và đến sự sinh – trưởng thành. Người ta thường nhìn vòng đời người phụ nữ, có: trăng khuyết, trăng đầy, trăng tròn. Cùng với thời gian, có: trăng non, trăng rằm, trăng mười sáu, trăng mười tám, trăng hai mươi, trăng hạ tuần, trăng thượng tuần... Như thế trăng là nữ tính. Bốn góc khay (máng), người Cơ Tu đặt các tượng thần bằng gỗ, đây là thần mưa, thần gió, thần rừng... các thần phồn thực với mong muốn người thân của họ sẽ được “tái sinh” về với cõi yang.



(Ảnh 12) “Đầu trâu máng nước” (Ảnh: Nguyễn Đăng Vũ)

Trường hợp dòi mò tập thể, mời già làng chủ trì giúp cho dòng họ tổ chức từ một đến ba ngày, xem là “tổng kết” (lời kể của ông A Lăng Đợi) – như là hình thức tổng kiểm kê di sản mồ mả gia đình, dòng họ – và giúp sức làm một đôi quan hòm



27

Hình ảnh Euro năm 6/2024

(hòm đôi = an bhrook), nhà mồ tập thể. Tất cả hài cốt được quy tập về một địa điểm. Tại nhà mồ, họ sắp đặt hài cốt theo thứ tự: người cao niên, lớn tuổi sắp xếp hàng trước gần mặt đất và cứ thế sắp đặt dần lên theo thứ tự thế hệ trong nhà hay trong dòng tộc (sắp đặt trên các tấm ván như tam cấp). Họ sắp đặt trong một cái huyệt (huyệt mộ) cạn, mà không lấp đất chôn kín. Chỉ có ma dũ mới phải chôn sâu, lấp kín. Mà đã là ma dũ thì hồn ma, thân xác của những người chết xấu thường do gia đình họ tự chôn cất một nơi rất xa làng và phải chôn sâu lấp kín để không cho hồn ma quay về làng, về nhà “bắt chết dẫn người còn sống đi theo”. Ma dũ không bao giờ tổ chức tâng pìn.

Người Cơ Tu thường xuyên lưu ý đến hiện tượng *chết xấu* này.

Thế nên, ta thường thấy nhà mồ Cơ Tu, cổ quan thường để lộ phần nhiều quan tài trên mặt đất. Cổ quan được thiết trí, đặt trong một nhà mồ²⁸ (toàn bằng gỗ tốt), như cái nhà che nắng che mưa, giữ cho cổ quan tồn tại theo tháng năm càng lâu càng tốt. Trên cổ quan là nhà mồ mà ta thường nói là *nhà mồ Cơ Tu*. Và cũng từ đó, người thân không thăm viếng nhà mồ nữa, bởi họ đã về với cõi Trời và linh hồn (rơi vai) của họ sẽ phảng phát hiện về trong sương khói mỗi khi có lễ cúng tế yang tại gươl làng. Như thế gươl làng mới là nơi linh hồn họ đi – về, còn về như thế nào hãy tham dự một lễ hội đâm trâu sẽ rõ./. VVH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

SÁCH

- Võ Văn Hòe – Đinh Thị Hựu (2019), đồng chủ biên, *Bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu huyện Hòa Vang*, NXB Đà Nẵng.
- Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (2000), *Góp phần nâng cao chất lượng sưu tầm, nghiên cứu văn hóa văn nghệ dân gian*, NXB Văn hóa Dân tộc. Hà Nội.
- Hội văn nghệ dân gian Việt Nam (2001), *Một thế kỷ sưu tầm, nghiên cứu văn hóa văn nghệ dân gian*, NXB Văn hóa Thông tin. Hà Nội.
- Viện Văn hóa dân gian (1989), *Những phương pháp nghiên cứu*, NXB KHXH. Hà Nội.
- Mircea Eliade (1964), *Thiên và phàm, bản chất của tôn giáo*, Huyền Giang dịch, NXB Tri thức, Nhã Nam.
- Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam - Chris Bazker (2011), *Nghiên cứu văn hóa - Lý thuyết và thực hành*, NXB Văn hóa Thông tin. Hà Nội.
- Cynthia Stokes Brown (2007), *Big history: from the Big Bang to the present*, người dịch Phan Triều Anh (2009). NXB Trẻ. TP. HCM.
- GS. A.A. Radugin (Chủ biên), người dịch Vũ Đình Phòng (2001), *Từ điển bách khoa văn hóa học*, Viện Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật. Hà Nội.

²⁸ Nhà mồ Cơ Tu là kiến trúc điều khắc, chạm trổ độc đáo thể hiện nghệ thuật tạo hình trên gỗ của người Cơ Tu.

- Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1992), *Dictionnaire de symboles*, Édition revue et augmentée. Robert Laffont, Paris 1992. NXB Đà Nẵng-Trường viết văn Nguyễn Du. Đà Nẵng-Hà Nội (1997).

- Iuri Mikhailovich Lotman (2013), *Ký hiệu học văn hóa*, Bản vi tính, người dịch Lã Nguyên, Đỗ Hải Phong, Trần Đình Sử.

- Roger L. Henrie (1972), (Brigham Young University), Luận văn *The Perception of Sacred Space: the Case of Utah and Other Sacred Places in Mormonism (Nhận thức về không gian linh thiêng: Trường hợp của Utah và các địa điểm linh thiêng khác trong Mormonism)*.<http://scholarsarchive.byu.edu/etd>.

TẠP CHÍ

- Trung tâm Khoa học và xã hội Nhân văn Đà Nẵng, Đại học Đà Nẵng, T/c *Ngọc Linh* (Số 1, tháng 12/2000), Quách Xuân, phần *Giấc mùa*, NXB Đà Nẵng.

- Trung tâm Khoa học và xã hội Nhân văn Đà Nẵng, Đại học Đà Nẵng, T/c *Ngọc Linh* (Số 2, tháng 7/2001), Quách Xuân, phần *Nợ 'đầu tôi' và chữ viết cho người Ctu*, NXB Đà Nẵng.

- Thiều Anh, *Cây nêu Cơ Tu, những tầng ý nghĩa nhân sinh*, 50 năm Tạp chí Văn hóa Quảng Nam.

- Văn Thu Bích (1999), *Nghệ thuật công chiêng trong đời sống Cơ Tu*, Tạp chí Văn hóa Quảng Nam, số 15/1999.

- Nguyễn Tri Hùng (2019), Pro Ngôóc, *Lễ hội lời nguyện của người Cơ Tu*, trong 5 năm Tạp chí Văn hóa Quảng Nam, 2013-2017, NXB Đà Nẵng.

TƯ LIỆU

- Tư liệu điền dã do Võ Văn Hòe tại thôn A Grông, xã A Tiêng, huyện Tây Giang, tháng 6/2017.

- Tư liệu điền dã do Võ Văn Hòe thực hiện tại thôn Pho, xã Sông Kôn, huyện Đông Giang, 30 tháng 7/2017.

- Tư liệu điền dã do Võ Văn Hòe thực hiện tại thôn Ban Mai, xã Ba, huyện Đông Giang, tháng 7/2017 và tháng 6/2018.

- Tư liệu điền dã do Võ Văn Hòe thực hiện tại thôn Bh Hông, xã Sông Kôn và tại thôn Ban Mai, xã Ba, huyện Đông Giang, ngày 09 & 10/12/2019.

- Tư liệu điền dã do Võ Văn Hòe thực hiện tại thôn A Rớh, xã Lăng, huyện Tây Giang, ngày 15 & 16 tháng 6/2020.

Nhà mồ Cơ Tu tại xã A Tiêng, huyện Đông Giang



Nhà mồ thời bê tông hóa

